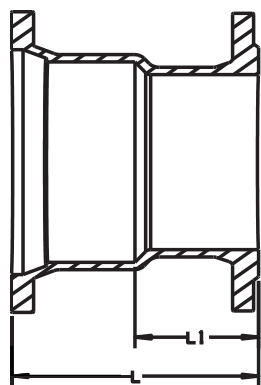


Bù manchon (BE) – Flange socket



BE-10-11-10
BE: Bù man chon
1 đầu F, 1 đầu bích
PN10
Quy cách thân
10: DN100
08: DN80
Quy cách đầu F
11: OD110
06: OD63



K12 Millimeters

Nominal diameter	L	L1
OD		
OD90	149	64
OD110 - OD125	165	75
OD140	168	83
OD160 – OD180	170	80
OD200 – OD225	199	109
OD250- OD280	207	117
OD315 – OD355	210	120
OD400	215	125
OD450	225	115
OD500	230	120
OD560	255	145
OD630	265	155
OD710	275	155
OD800	290	170

*Tiêu chuẩn mặt bích liên kết bằng Bulong.
*Sản phẩm được đúc bằng Gang Cầu FCD 450.
*Thiết kế dựa trên tiêu chuẩn: **ISO 2531**.

*Tính chất cơ tính:
Mechanical properties of fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Độ bền kéo (Mpa)	% Dãn dài khi kéo	Độ cứng (HBS)
80-2000	420	5 ↑	250 ↓

*Kiểm tra áp lực thủy tĩnh:
Hydrostatic test pressure for fittings

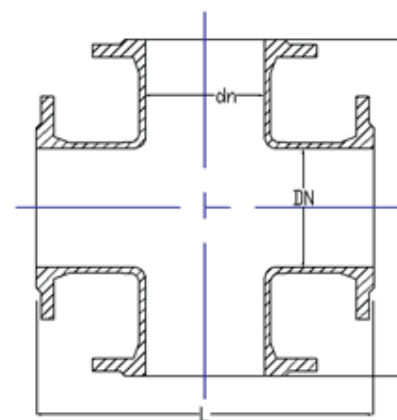
Đường kính danh nghĩa (DN)	Áp suất kiểm tra Kgf/cm2
Từ 80 đến 300	25
Từ 350 đến 600	16
Từ 700 đến 2000	10

- Các phụ kiện khi kiểm tra áp lực được giữ dưới áp lực trong 10 giây vẫn đảm bảo không bị rò rỉ hoặc có hiện tượng đổ mồ hôi

Cút nối chữ thập đầu B - All flanged



TH-BBBB-1008-10
TH: Cút nối chữ thập
BBBB: 4 đầu bích
PN10
Quy cách 2 nhánh ra
10: DN100
08: DN80
Quy cách 2 nhánh chính
10: DN100
08: DN80



K12 Millimeters

Nominal diameter		Dimensions	
DN	dn	L	H
80	80	340	170
100	100	360	180
150	150	425	210
200	200	495	245
250	250	555	320
300	300	620	350
350	350	675	380
400	400	780	430
450	450	840	460
500	500	900	490
600	600	1020	550
700	700	1165	620
800	800	1285	685
900	900	1410	745
1000	1000	1550	815
1200	1200	1795	935

*Tiêu chuẩn mặt bích liên kết bằng Bulong.
*Sản phẩm được đúc bằng Gang Cầu FCD 450
* Thiết kế dựa trên tiêu chuẩn: **ISO 2531**.

*Tính chất cơ tính:
Mechanical properties of fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Độ bền kéo (Mpa)	% Dãn dài khi kéo	Độ cứng (HBS)
80-2000	420	5 ↑	250 ↓

*Kiểm tra áp lực thủy tĩnh:
Hydrostatic test pressure for fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Áp suất kiểm tra Kgf/cm2
Từ 80 đến 300	25
Từ 350 đến 600	16
Từ 700 đến 2000	10

- Các phụ kiện khi kiểm tra áp lực được giữ dưới áp lực trong 10 giây vẫn đảm bảo không bị rò rỉ hoặc có hiện tượng đổ mồ hôi

Cút nối giảm - BB - Double flanged taper



G-BB-1008-10

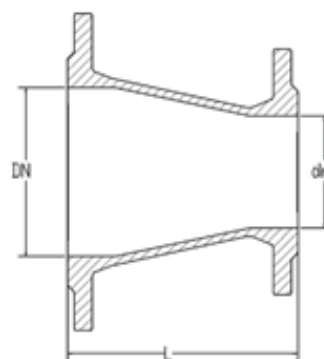
G: Côn giảm

BB: 2 đầu bích

PN10

Quy cách đầu bé
10: DN100
08: DN80

Quy cách đầu lớn
10: DN100
08: DN80



K12 Millimeters

Nominal diameter		L
DN	dn	
100	80	200
150	80	400
150	100	300
200	100	600
200	150	300
250	150	600
250	200	300
300	150	650
300	200	600
300	250	300
350	200	650
350	250	600
350	300	300
400	200	700
400	250	650
400	300	600
400	350	300
450	250	700
450	300	650
450	350	600
450	400	300

*Tính chất cơ tính:

Mechanical properties of fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Độ bền kéo (Mpa)	% Dãn dài khi kéo	Độ cứng (HBS)
80-2000	420	5 ↑	250 ↓

*Kiểm tra áp lực thủy tĩnh:

Hydrostatic test pressure for fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Áp suất kiểm tra Kg/cm ²
Từ 80 đến 300	25
Từ 350 đến 600	16
Từ 700 đến 2000	10

- Các phụ kiện khi kiểm tra áp lực được giữ dưới áp lực trong 10 giây vẫn đảm bảo không bị rò rỉ hoặc có hiện tượng đồ mờ hồi

*Tiêu chuẩn mặt bích liên kết bằng Bulong.

*Sản phẩm được đúc bằng Gang Cầu FCD 450

*Thiết kế dựa trên tiêu chuẩn: **ISO 2531**.

Mối nối mềm - Collars



MNM-10-11

MNM: Mối nối mềm MJ
2 đầu F

Quy cách đầu F

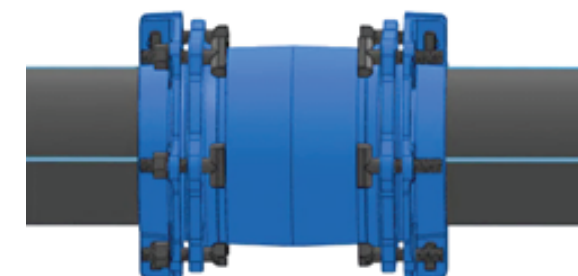
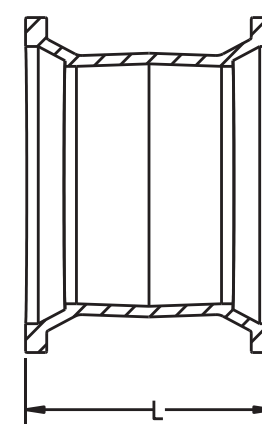
11: OD110

09: OD90

Quy cách thân

10: DN100

08: DN80



K12 Millimeters

Nominal diameter	L
OD	
OD90	140
OD110 - OD125	165
OD140	170
OD160 - OD180	170
OD200 - OD225	190
OD250 - OD280	190
OD315 - OD355	190
OD400	260
OD450	295
OD500	300
OD560	307
OD630	318
OD710	330
OD800	332

*Sản phẩm được đúc bằng Gang Cầu FCD 450.

*Thiết kế dựa trên tiêu chuẩn: **ISO 2531**.

*Tính chất cơ tính:

Mechanical properties of fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Độ bền kéo (Mpa)	% Dãn dài khi kéo	Độ cứng (HBS)
80-2000	420	5 ↑	250 ↓

*Kiểm tra áp lực thủy tĩnh:

Hydrostatic test pressure for fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Áp suất kiểm tra Kg/cm ²
Từ 80 đến 300	25
Từ 350 đến 600	16
Từ 700 đến 2000	10

- Các phụ kiện khi kiểm tra áp lực được giữ dưới áp lực trong 10 giây vẫn đảm bảo không bị rò rỉ hoặc có hiện tượng đồ mờ hồi

Cút nối giảm - FF – D/S concentric taper



K12 Millimeters

Nominal diameter		L
DN	dn	
500	300	360
500	350	360
500	400	260
500	450	160
600	350	460
600	400	460
600	450	360
600	500	260
700	400	480
700	450	480
700	500	480
700	600	280
800	450	480
800	500	480
800	600	480
800	700	280
900	500	480
900	600	480
900	700	480
900	800	280
1000	600	480
1000	700	480
1000	800	480
1000	900	280
1200	700	480
1200	800	480
1200	900	480
1200	1000	480
1200	1100	280

*Tính chất cơ tính:
Mechanical properties of fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Độ bền kéo (Mpa)	% Dẫn dài khi kéo	Độ cứng (HBS)
80-2000	420	5 ↑	250 ↓

*Kiểm tra áp lực thủy tĩnh:
Hydrostatic test pressure for fittings

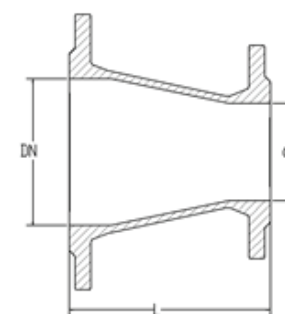
Đường kính danh nghĩa (DN)	Áp suất kiểm tra Kg/cm ²
Từ 80 đến 300	25
Từ 350 đến 600	16
Từ 700 đến 2000	10

- Các phụ kiện khi kiểm tra áp lực được giữ dưới áp lực trong 10 giây vẫn đảm bảo không bị rò rỉ hoặc có hiện tượng đổ mồ hôi

*Sản phẩm được đúc bằng Gang Cầu FCD 450.

*Thiết kế dựa trên tiêu chuẩn:
ISO 2531.

Cút nối giảm - BB - Double flanged taper



K12 Millimeters

Nominal diameter		L
DN	dn	
500	300	700
500	350	650
500	400	600
500	450	300
600	350	750
600	400	700
600	450	650
600	500	600
700	400	800
700	450	750
700	500	700
700	600	600
800	450	900
800	500	800
800	600	700
800	700	600
900	500	1000
900	600	800
900	700	700
900	800	600
1000	600	1000
1000	700	800
1000	800	700
1000	900	600
1200	700	1345
1200	800	1160
1200	900	975
1200	1000	790
1200	1100	605

*Tính chất cơ tính:
Mechanical properties of fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Độ bền kéo (Mpa)	% Dẫn dài khi kéo	Độ cứng (HBS)
80-2000	420	5 ↑	250 ↓

*Kiểm tra áp lực thủy tĩnh:
Hydrostatic test pressure for fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Áp suất kiểm tra Kg/cm ²
Từ 80 đến 300	25
Từ 350 đến 600	16
Từ 700 đến 2000	10

- Các phụ kiện khi kiểm tra áp lực được giữ dưới áp lực trong 10 giây vẫn đảm bảo không bị rò rỉ hoặc có hiện tượng đổ mồ hôi

*Tiêu chuẩn mặt bích liên kết bằng Bulong.
*Sản phẩm được đúc bằng Gang Cầu FCD 450
* Thiết kế dựa trên tiêu chuẩn: **ISO 2531.**

Bu- Flange spigot



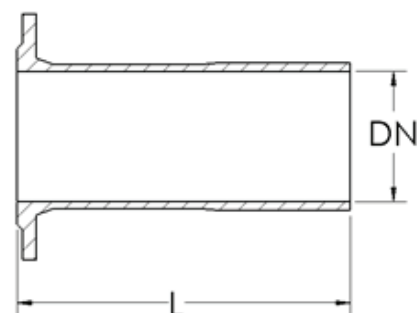
BU-1050-10

BU: Nối BU

Quy cách
10: DN100
08: DN80

PN10

Chiều dài
10: L100
50: L500



K12 Millimeters

Nominal diameter	L
DN	
80	350
100	360
150	380
200	400
250	420
300	440
350	460
400	480
450	500
500	520
600	560
700	600
800	600
900	600
1000	600
1200	600

*Tính chất cơ tính:
Mechanical properties of fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Độ bền kéo (Mpa)	% Dẫn dài khi kéo	Độ cứng (HBS)
80-2000	420	5 ↑	250 ↓

*Kiểm tra áp lực thủy tĩnh:
Hydrostatic test pressure for fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Áp suất kiểm tra Kg/cm ²
Từ 80 đến 300	25
Từ 350 đến 600	16
Từ 700 đến 2000	10

- Các phụ kiện khi kiểm tra áp lực được giữ dưới áp lực trong 10 giây vẫn đảm bảo không bị rò rỉ hoặc có hiện tượng đồ mờ hôi

*Tiêu chuẩn mặt bích liên kết bằng Bulong.
*Sản phẩm được đúc bằng Gang Cầu FCD 450
* Thiết kế dựa trên tiêu chuẩn: **ISO 2531**.

Cút nối giảm - FF – D/S concentric taper

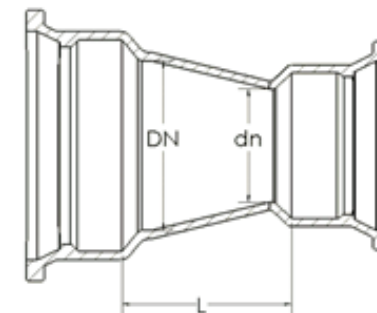
G-FF-1611

G: Côn giảm

FF: 2 đầu F

Quy cách đầu bé
11: OD110
09: OD90

Quy cách đầu lớn
16: OD160
09: OD90



K12 Millimeters

Nominal diameter		L
DN	dn	
100	80	90
150	80	190
150	100	150
200	100	250
200	150	150
250	150	250
250	200	150
300	150	350
300	200	250
300	250	150
350	200	360
350	250	260
350	300	160
400	200	360
400	250	360
400	300	260
400	350	160
450	250	260
450	300	260
450	350	260
450	400	160

*Tính chất cơ tính:
Mechanical properties of fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Độ bền kéo (Mpa)	% Dẫn dài khi kéo	Độ cứng (HBS)
80-2000	420	5 ↑	250 ↓

*Kiểm tra áp lực thủy tĩnh:
Hydrostatic test pressure for fittings

Đường kính danh nghĩa (DN)	Áp suất kiểm tra Kg/cm ²
Từ 80 đến 300	25
Từ 350 đến 600	16
Từ 700 đến 2000	10

- Các phụ kiện khi kiểm tra áp lực được giữ dưới áp lực trong 10 giây vẫn đảm bảo không bị rò rỉ hoặc có hiện tượng đồ mờ hôi

*Sản phẩm được đúc bằng Gang Cầu FCD 450.
*Thiết kế dựa trên tiêu chuẩn: **ISO 2531**.